| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN**<br>**TỈNH BẮC GIANG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập –Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 51/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14/11/2019
V/v "Ly hôn giữa chị V và anh T"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T YÊN – TỈNH BẮC GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - chủ toạ phiên toà*: Ông Nguyễn Hà Giang
*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Trần Anh Dũng
2. Ông Giáp Hồng Thanh

***- Thư ký phiên toà*:** bà Ngô Thị V - Thư ký Toà án nhân dân huyện T Yên, tỉnh Bắc Giang.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T Yên tham gia phiên toà*: bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 327/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2019 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 203/2019/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* chị Lục Thị V, sinh năm 1987*; Nơi cư trú: thôn Ng, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)*

*- Bị đơn:* anh Thân Văn T, sinh năm 1986*; Nơi cư trú: thôn Ng, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang. (xin vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 23/9/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Lục Thị V trình bày:

Chị và anh Thân Văn T kết hôn ngày 22/01/2009, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về làm dâu tại gia đình anh T ngay. Ban đầu vợ chồng chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Năm 2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Cuối năm 2017, do mâu thuẫn trầm trọng nên chị và anh T sống ly thân, tuy ở chung nhà nhưng không quan tâm chăm sóc cho nhau. Gia đình đã nhiều lần hòa giải động viên để vợ chồng chị hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống được nữa nên chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng chị có 01 con chung là Thân Thảo Ng, sinh ngày 07/7/2014 hiện đang ở chung cùng vợ chồng chị. Cháu phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện chị đang làm nhân viên kinh doanh của công ty thức ăn chăn nuôi, thu nhập bình quân hàng tháng 12.000.000 đồng nên có đủ điều kiện nuôi con.

Tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: vợ chồng chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị V có mặt, giữ nguyên yêu cầu trên.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/9/2019 bị đơn – anh Thân Văn T trình bày:

Anh thừa nhận về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, nơi đăng ký kết hôn như chị V trình bầy là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn anh T trình bày quá trình chung sống vợ chồng chỉ xảy ra mâu thuẫn nhỏ trong gia đình, hiện anh chị vẫn sống chung và không có thời gian sống ly thân. Anh có nguyện vọng vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng nay chị V cương quyết xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Thân Thảo Ng, sinh ngày 07/7/2014, cháu đang ở chung cùng vợ chồng anh chị. Ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con chung. Anh xác định có đủ điều kiện nuôi con, hiện anh làm nghề tự do thu nhập bình quân hàng tháng 10.000.000đồng/tháng. Nếu chị V cũng có nguyện vọng được nuôi con thì anh đồng ý để chị V tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: vợ chồng anh không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà anh T vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hoà giải, tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS; HĐXX đảm bảo về thành phần, nguyên tắc xét xử; tại phiên toà HĐXX đã thực hiện đủ, đúng các quy định của BLTTDS về phiên tòa sơ thẩm; Thư ký chấp hành đúng quyền hạn, trách nhiệm theo quy định; Nguyên đơn có ý thức chấp hành các quy định của BLTTDS, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của BLTTDS. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích Kiểm sát viên đề nghị

HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V, xử cho chị V được ly hôn anh T; Giao cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng cháu Thân Thảo Ng; Chị V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến đề nghị của đương sự, Kiểm sát viên. Sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền: ngày 24 tháng 9 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị Lục Thị V với bị đơn là anh Thân Văn T trú tại thôn Ng, xã L, huyện T là theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về việc xét xử vắng mặt anh Thân Văn T: anh Thân Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX quyết định tiếp tục xét xử vụ án.

Xét các yêu cầu của nguyên đơn thấy:

[3] Về tình cảm vợ chồng: Chị Lục Thị V và anh Thân Văn T kết hôn ngày 22/01/2009, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc cho đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến không quan tâm, chăm sóc cho nhau. Nay chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn anh T. Anh T xác định quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và đồng ý ly hôn chị V. Qua làm việc với gia đình anh T và đại diện chính quyền địa phương cho thấy vợ chồng anh T và chị V gần đây có phát sinh mâu thuẫn. HĐXX thấy, hiện chị V, anh T có nhiều mâu thuẫn, không quan tâm, chăm sóc cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để xử cho chị V được ly hôn anh T.

[4] Về con chung: chị V và anh T có 01 con chung là Thân Thảo Ng, sinh ngày 07/7/2014, cháu đang ở chung cùng vợ chồng anh chị. Ly hôn, cả chị V và anh T đều có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ng. Tuy nhiên anh T có ý kiến nếu chị V muốn được tiếp tục nuôi con chung anh đồng ý. Qua xác minh thấy cả chị V và anh T đều có đủ điều kiện để nuôi con, tuy nhiên anh T hay đi làm xa, thi thoảng cuối tuần mới về nhà. Vì vậy để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, phù hợp với nguyện vọng của các đương sự cần căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình giao cho chị V được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: do chị V không yêu cầu nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 146, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 1 Điều 56, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình, xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: chị Lục Thị V được ly hôn anh Thân Văn T.

3. Về con chung: giao chị Lục Thị V tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Thân Thảo Ng, sinh ngày 07/7/2014. Anh Thân Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V.

Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: chị Lục Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2018/0005980 ngày 24 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T Yên. Xác nhận chị V đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận:***
- Viện kiểm sát T Yên;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục T.H.A T Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà**

**Nguyễn Hà Giang**